TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18 tháng 7 năm 2017
"V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIALAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Thúy

***- Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà Tô Thị Lành
2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 530/2016/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2016 về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông ***Đinh Văn L***, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

2. Bị đơn: Bà ***Nguyễn Thị Đ***, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khu trọ Q, hẻm 3, đường N, tổ 12, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2016, các bản tự khai, các biên bản hòa giải và lời khai tại phiên toà, nguyên đơn ông Đinh Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện tìm hiểu, tuy ông bà không có tổ chức đám cưới nhưng dưới sự chứng kiến của họ hàng hai bên ông bà đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1980, không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tiếng nói chung trong tính cách và quan điểm sống. Ông và bà Đ đã sống ly thân từ tháng 4/2015 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ

chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nay ông yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Đ có bốn con chung là chị Đinh Thị Trà L, sinh ngày 18/6/1981, chị Đinh Thị Thu N, sinh ngày 02/11/1984, chị Đinh Thị Nguyệt M, sinh ngày 02/12/1989 và em Đinh Thị Minh U, sinh ngày 06/9/1999. Các con chung Đinh Thị Trà L, Đinh Thị Thu N và Đinh Thị Nguyệt M đã trưởng thành, có gia đình riêng và nghề nghiệp ổn định, đủ khả năng kinh tế tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung Đinh Thị Minh U, ông đồng ý giao em U cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông và bà Nguyễn Thị Đ tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nghĩa vụ chung phải thực hiện nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/10/2016, các biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đinh Văn L tự nguyện tìm hiểu, không tổ chức đám cưới, chỉ có họ hàng hai bên chứng kiến ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1980, không có đăng ký kết hôn đúng như ông Đinh Văn L đã trình bày. Thời gian gần đây bà và ông Đinh Văn L xảy ra mâu thuẫn nên bà đã về thành phố P sinh sống đã hơn một năm. Bản thân bà không đồng ý ly hôn với ông Đ vì khi kết hôn không có đăng ký kết hôn thì khi ly hôn cũng không cần phải có giấy tờ. Bên cạnh đó, nhận thấy vợ chồng cũng đã lớn tuổi, việc ly hôn ảnh hưởng đến hạnh phúc của các con nên bà Đ yêu cầu sống ly thân như hiện nay và không chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Đ có bốn con chung là chị Đinh Thị Trà L, sinh ngày 18/6/1981, chị Đinh Thị Thu N, sinh ngày 02/11/1984, chị Đinh Thị Nguyệt M, sinh ngày 02/12/1989 và em Đinh Thị Minh U, sinh ngày 06/9/1999. Các con chung Đinh Thị Trà L, Đinh Thị Thu N và Đinh Thị Nguyệt M đã trưởng thành, có gia đình riêng và nghề nghiệp ổn định, đủ khả năng kinh tế tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung Đinh Thị Minh U, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc em U.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông Đinh Văn L cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà và ông Đinh Văn L tự thỏa thuận về tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện nên ông bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn L về yêu cầu ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Đ. Về con chung: Đề nghị chấp nhận của ông Đinh Văn L, giao em Đinh Thị Minh U cho bà Nguyễn Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đinh Văn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện tìm hiểu, tuy ông bà không tổ chức đám cưới nhưng dưới sự chứng kiến của họ hàng hai bên ông bà đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1980, không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 và Điều 1 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT – TNDTC – VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001, hôn nhân giữa ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Đ vẫn được pháp luật công nhận.

Do mâu thuẫn vợ chồng ông Đinh Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà Nguyễn Thị Đ đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Theo biên bản xác minh ngày 03/5/2017, chính quyền địa phương không ghi nhận ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Đ có mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Đ đều thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 1980 đến năm 2015 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc ông bà sống ly thân đã gần hai năm. Trong thời gian sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Như vậy có căn cứ chứng tỏ giữa ông L và bà Đ xảy ra mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng đến mức ông bà đã sống ly thân gần hai năm.

Bà Nguyễn Thị Đ không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Đinh Văn L nhưng lại muốn duy trì hình thức sống ly thân như hiện nay. Đồng thời những căn cứ mà bà đưa ra để không đồng thuận việc ly hôn như khi kết hôn không có đăng ký kết hôn thì khi ly hôn cũng không cần phải có giấy tờ, vợ chồng đã lớn tuổi, việc ly hôn ảnh hưởng đến hạnh phúc của các con, khi ông L nộp đơn ly hôn không có sự chấp thuận của bà Đ là những lý do không liên quan đến yếu tố tình cảm vợ chồng dẫn đến cần thiết phải duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông L.

Bởi lẽ hạnh phúc hôn nhân xây dựng trên cơ sở vợ chồng cùng nhau chung sống; thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình nhưng trên thực tế quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà Đ không thực hiện được vì ông bà đã sống ly thân trong thời gian dài, trong đời sống chung ông bà không cùng chung quan điểm, không còn sự tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau do đó mục đích xây dựng hôn nhân hạnh phúc không đạt được.

Từ đó có căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đinh Văn L, xử cho ông L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Đ có bốn con chung là chị Đinh Thị Trà L, sinh ngày 18/6/1981, chị Đinh Thị Thu N, sinh ngày 02/11/1984, chị Đinh Thị Nguyệt M, sinh ngày 02/12/1989 và em Đinh Thị Minh U, sinh ngày 06/9/1999.

Các con chung Đinh Thị Trà L, Đinh Thị Thu N và Đinh Thị Nguyệt M đã trưởng thành, có gia đình riêng và nghề nghiệp ổn định, đủ khả năng kinh tế tự nuôi sống bản thân nên ông L và bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng con chung Đinh Thị Minh U, sinh ngày 06/9/1999 chưa thành niên nên khi ly hôn, ông bà thống nhất giao em Đinh Thị Minh U cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc em U cho đến khi em thành niên. Em Đinh Thị Minh U cũng có nguyện vọng chung sống với bà Nguyễn Thị Đ. Xét sự thỏa thuận là trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức, quy tắc xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận giữa ông L và bà Đ về quyền nuôi con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về án phí: Ông Đinh Văn L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 3 Nghị quyết 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 và Điều 1 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT – TNDTC – VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đinh Văn L

Ông Đinh Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

2. Về nuôi con chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Đ: Giao em Đinh Thị Minh U, sinh ngày 06/9/1999 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Ông Đinh Văn L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0006489 ngày 03/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Ông Đinh Văn L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Thanh Thúy